**1. Mô hình Use Case**

📌 **Actors:**  
👤 **Khách hàng**: Đặt lịch, nhận thông báo.  
👨‍🔧 **Nhân viên**: Quản lý lịch hẹn, thực hiện dịch vụ.  
👨‍💼 **Quản lý**: Quản lý nhân viên, dịch vụ, tài chính.

💡 **Các Use Case chính:**

* Đặt lịch
* Quản lý khách hàng
* Quản lý nhân viên
* Quản lý dịch vụ
* Thanh toán
* Báo cáo

**2. Mô hình dữ liệu (Database - ERD)**

Gồm các bảng:

1. **Customers (Khách hàng)**
   * Id (PK)
   * FullName
   * Phone
   * BirthDate
   * History
2. **Appointments (Lịch hẹn)**
   * Id (PK)
   * CustomerId (FK)
   * ServiceId (FK)
   * StaffId (FK)
   * DateTime
   * Status (Pending/Completed/Canceled)
3. **Staff (Nhân viên)**
   * Id (PK)
   * FullName
   * Role
   * WorkingHours
4. **Services (Dịch vụ)**
   * Id (PK)
   * Name
   * Price
   * Duration
5. **Invoices (Hóa đơn)**
   * Id (PK)
   * AppointmentId (FK)
   * TotalPrice
   * CreatedAt